

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần: Pháp văn tăng cường 1 (Intensive French 1)

- Mã số học phần: FL004
- Số tín chỉ học phần: 03 tín chỉ
- Số tiết học phần: 45 tiết lý thuyết, 90 tiết tự học.

### 2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp
- Khoa Ngoại ngữ

### 3. Điều kiện tiên quyết: Không

### 4. Mục tiêu của học phần:

#### 4.1. Kiến thức:

- Học phần Pháp văn tăng cường 1 cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức liên quan đến nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội như gia đình, giải trí, công việc... của nước Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp trong cộng đồng Pháp ngữ trên thế giới và để chuẩn bị cho kỳ thi tiếng Pháp DELF B1.
- Nắm vững kỹ năng giao tiếp được sử dụng thông qua các tình huống giao tiếp trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội và đời sống hàng ngày của người Pháp (3.1.3b);
- Nắm vững và vận dụng được kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về tiếng Pháp được quy định cho bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (3.1.3a).

#### 4.2. Kỹ năng cứng:

- Khả năng sử dụng những kỹ năng tiếng Pháp tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam một cách linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn (3.3.1a);
- Khả năng diễn đạt các hoạt động diễn ra trong cuộc sống hàng ngày như giới thiệu gia đình, miêu tả người, miêu tả nhà ở, diễn đạt sở thích, diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân và viết những đoạn văn ngắn, đọc hiểu một bài đọc ngắn bằng tiếng Pháp (3.3.1b);
- Khả năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với văn hóa của người Pháp (3.3.1c).

#### 4.3. Kỹ năng mềm:

- Giao tiếp, làm việc và học tập trong môi trường đa văn hóa (3.3.3d).

**4.4. Thái độ:** Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, tự tin, nhiệt tình, đam mê, luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực, có khát vọng vượt khó và luôn cập nhật bổ sung kiến thức (3.3a ; 3.3b ; 3.3c).

## 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	<b>Kiến thức</b>		
CO1	Nắm vững và vận dụng được kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về tiếng Pháp được quy định cho bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	4.1	3.1.3a
CO2	Nắm vững kỹ năng giao tiếp được sử dụng thông qua các tình huống giao tiếp trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội và đời sống hàng ngày của người Pháp.		3.1.3b
	<b>Kỹ năng</b>		
CO3	Khả năng diễn đạt các hoạt động diễn ra hàng ngày, giới thiệu gia đình, miêu tả người, miêu tả nhà ở, diễn đạt sở thích, diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân và viết những đoạn văn ngắn, đọc hiểu một bài đọc ngắn bằng tiếng Pháp.	4.2	3.3.1b
CO4	Khả năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với văn hóa Pháp.		3.3.1c
CO5	Giao tiếp, làm việc và học tập trong môi trường đa văn hóa.	4.3	3.3.3d
	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
CO6	Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, tự tin, nhiệt tình, đam mê, luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực, có khát vọng vượt khó và luôn cập nhật bổ sung kiến thức.	4.4	3.3a; 3.3b; 3.3c.

## 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hàng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, miêu tả nhà ở, diễn đạt sở thích, diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện những kỹ năng để thi Delf B1. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời tương lai, thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ... Học phần Pháp văn tăng cường 1 được chia thành 3 đơn vị bài học lớn (Phần 1: nói về gia đình và những hoạt động hàng ngày; Phần 2: nói về đời sống văn hóa xã hội và những tính cách, thói quen của người Pháp; Phần 3: cuộc sống và sự khám phá các thành phố du lịch của Pháp).

## 7. Cấu trúc nội dung học phần:

Đơn vị bài học	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
UNITÉ 1: UN AIR DE FAMILLE	Leçon 1: Je me présente	15t	CO1
	Leçon 2: De mère en fille		CO1
	Leçon 3: Blog		CO2, CO3
	Leçon 4: Arrêt sur... « Une famille en or »		CO3
	Évaluation 1		
UNITÉ 2: LA VIE DES AUTRES	Leçon 5: Parisiens, qui êtes-vous ?	15t	CO2
	Leçon 6: Question de mode		CO3, CO5
	Leçon 7: Une minute pour un projet		CO2, CO3
	Leçon 8: Arrêt sur... “Les ados”		CO4
	Évaluation 2		
UNITÉ 3: C'EST BIEN, CHEZ VOUS !	Leçon 9: Le logement idéal	15t	CO2, CO4
	Leçon 10: À bicyclette		CO4, CO5
	Leçon 11: Destination soleil		CO3, CO4
	Leçon 12: Arrêt sur... « Choix de vie »		CO5, CO6
	Évaluation 3		

## 8. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp học dựa trên tình huống có vấn đề.
- Phương pháp hoạt động nhóm.
- Phương pháp đóng vai hội thoại và thuyết trình.

## 9. Nhiệm vụ của sinh viên: Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập cá nhân/nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

10.1. Cách đánh giá: Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%	CO1, CO2
2	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Thi viết	20%	CO3, CO4
3	Điểm kiểm tra cuối kỳ	Thi viết, nghe và nói	70%	CO3, CO4

## 10.2. Cách tính điểm:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 11. Tài liệu của học phần:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
1. Capelle G., Menand R., <i>Le nouveau taxi 1 : Méthode de français</i> , Hachette, Paris, 144p.	(448.34 – N934/A.1) – (KNN.000004).
2. Capelle G., Menand R., <i>Le nouveau taxi 1 : Cahier d'exercices</i> , Hachette, Paris, 94p.	(448.34 – N934/Vol.1) – (KNN.000006).
3. Menand R., <i>Le nouveau taxi 2 : Méthode de français</i> , Hachette, Paris, 144p.	(448.34 – N934/A.2) – (KNN.000015).
4. Menand R., <i>Le nouveau taxi 2 : Cahier d'exercices</i> , Hachette, Paris, 95p.	(448.34 – N934/Vol.2) – (KNN.000018).
5. Callet S., Tricot T., 2012, <i>Vocabulaire en action avec 150 exercices</i> , CLE International, Paris, 192p.	(448.1 – C157) – (KNN.000024).
6. Corréard M-H., 2010, <i>Oxford Hachette French Dictionary</i> , Oxford University Press, 976p.	(443.21 – P739) – (KHXH.000068).
7. HO Hai Thuy, CHU Khac Thuat, 2006, <i>Dictionnaire français-vietnamien</i> , Nha xuat ban Tp. Ho Chi Minh, 1793p.	(443.95922 – V305) – (KHXH.000066).
8. LE Kha Ke, NGUYEN Lan, 2007, <i>Dictionnaire vietnamien-français</i> , Nha xuat ban van hoa Sai Gon, Tp. Ho Chi Minh, 1161p.	(495.922341 – K250) – (KHXH.000065).

## 12. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1-5	Unité 1	12	24	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học đơn vị bài số 1</li> <li>- Nghiên cứu bài 1 tài liệu</li> <li>- Làm bài tập về nhà</li> </ul>

6-9	Unité 2	12	24	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn lại nội dung đã học</li> <li>- Nghiên cứu bài 2 tài liệu</li> <li>- Làm bài tập về nhà</li> </ul>
10-15	Unité 3	12	24	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn lại nội dung đã học</li> <li>- Nghiên cứu bài 3 tài liệu</li> <li>- Làm bài tập về nhà</li> </ul>
16	Ôn tập	4	18	Ôn tập những nội dung đã học để chuẩn bị thi học kỳ
17	Kiểm tra cuối học kỳ	5		Kiểm tra cuối học kỳ

Cần Thơ, ngày 05 tháng 04 năm 2019

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Diệp Kiến Vũ**

